TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2018
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Bá Thi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Được
2. Ông Huỳnh Văn Đương

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là thư kýToà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*** *tham gia phiên tòa:* Ông Diệp Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1990;
Địa chỉ: ấp Ba T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh**.** (Có mặt).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N: Luật sư Dương Minh T thuộc đoàn luật sư tỉnh T.

Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1987 (tên gọi khác Lê Thanh Q)
Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N trình bày :

Vào năm 2012 chị và anh Q xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/11/2012 . Khi tiến

đến hôn nhân có quen nhau trước và đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về mặt ứng xử giao tiếp dẫn đến vợ chồng cải vả, gây gỗ nhiều lần cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến năm 2013 chị bỏ về nhà mẹ ruột sống và ly thân đến nay. Khi sự việc xảy ra cha mẹ hai bên có hòa giải nhưng không hàn gắn được.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu :

-Về hôn nhân : Xin được ly hôn với anh Lê Văn Q.

-Về nuôi con chung: Lê Anh T, sinh ngày 24/01/2013 hiện đang sống với chị và chị xin được nuôi con sau khi ly hôn.

-Về cấp dưỡng nuôi con: chị N yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng . Nhưng hiện nay anh Q có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị N xin rút yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: chị N không khởi kiện.

Về số nợ phải thu, phải trả: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị N không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Văn Q vắng mặt, anh có làm đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N. Giao con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 24/01/2013 cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị N rút yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ, về tài sản chung, số nợ phải thu phải trả không ai tranh chấp nên không xem xét giải quyết. Buộc chị N phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Về quan hệ pháp luật:** Xét đơn khởi kiện của chị Lê Thị Hồng N khởi kiện tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con với anh Lê Văn Q. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là " *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[**2**] **Về thủ tục tố tụng**: Tòa án triệu tập hợp lệ anh Lê Văn Q lần thứ nhất nhưng anh Qvắng mặt và có làm đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn Q.

[**3**] **Về quan hệ hôn nhân** : xét thấy chị N và anh Q xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật và chị Ngoan đã giao nộp chứng cứ là bản sao đã chứng thực Giấy chứng nhận kết hôn của chị và anh Q (BL 02) nên xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian vợ chồng chung sống có nhiều bất đồng về quan điểm sống và cách ứng xử trong đời sống hôn nhân, nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị N xác định tình cảm không còn với anh Q do bất đồng quan điểm sống vợ chồng nên xin ly hôn anh Q và vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Tòa án mở hai phiên họp để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng của chị Ngoan và anh Q là không kết quả.

Tại phiên Tòa vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N đã trình bày tình trạng hôn nhân của chị N hiện nay là trầm trọng do anh Q bỏ mặc vợ con, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Tình cảm của chị N không còn với anh Q, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn.

Mặt khác, tại phiên tòa chị Ngoan xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin ly hôn anh Q là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 51 ,56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N

[**4**] **Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con**: anh Q và chị N có 01 người con chung tên là: Lê Anh T, sinh ngày 24/01/2013 hiện chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo về sự phát triển toàn diện và ổn định tâm lý cho cháu T Hội đồng xét xử giao cháu Lê Anh T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con và việc rút yêu cầu này của chị N là tự nguyện. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chị N đã rút.

[**5**] **Về tài sản chung, nợ chung :** Chị N và anh Q không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về số nợ phải thu phải trả: không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[**6**] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Buộc chị Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, các Điều 228, 235,244, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 19,51,53, 54,56,57,58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Hồng N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Văn Q.

Về nuôi con: Giao con chung Lê Anh T, sinh ngày 24/01/2013 cho chị Lê Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lê Thị Hồng N.

Về tài sản chung: Chị Ngoan và anh Q không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về số nợ phải thu phải trả: không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0017207 ngày 09/7/2018 do chị Lê Thị Hồng N nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Lê Thị Hồng N nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKS huyện C ;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã M
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Bá Thi